

BẢN TIN PHÁP LUẬT

Ban biên tập

Người thực hiện

: Ths. Nguyễn Ngọc Yến

Chịu trách nhiệm kiểm soát về nội dung

: PGS. TS. Phạm Thị Giang Thu

Bản tin được xác định là tài sản của Ban biên tập, cấm vi phạm

**Bộ môn Luật Tài chính –
ngân hàng, Khoa Pháp luật
Kinh tế, Trường Đại học
Luật Hà Nội**

Phòng A1507,
87 Nguyễn Chí Thanh,
Đống Đa, Hà Nội

Bạn đọc tham khảo thêm
thông tin tại Trang thông tin
của Bộ môn:

[https://www.facebook.com/
bomonluattaichinhnganhang
hlu](https://www.facebook.com/bomonluattaichinhnganhanghlu)

MỤC LỤC

**Đề án đẩy mạnh thanh toán qua ngân hàng
đối với các dịch vụ công 1**

**Quy định về tổ chức và hoạt động của tổ chức
tài chính vi mô 4**

**Quy định về bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc
..... 7**

PHÁP LUẬT NGÂN HÀNG

ĐỀ ÁN ĐẨY MẠNH THANH TOÁN QUA NGÂN HÀNG ĐỐI VỚI CÁC DỊCH VỤ CÔNG

Ngày 23/02/2018, Thủ tướng Chính phủ ký ban hành Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 23/02/2018 phê duyệt Đề án đẩy mạnh thanh toán qua ngân hàng đối với các dịch vụ công: thuế, điện, nước, học

phí, viện phí và chi trả các chương trình an sinh xã hội.



Nguồn ảnh: Internet

Theo đó, Đề án ghi nhận một số nội dung chính sau:

1. Mục tiêu

❖ Về mục tiêu chung:

Đẩy mạnh thanh toán dịch vụ công và chi trả an sinh xã hội qua ngân hàng, góp phần xây dựng Chính phủ điện tử, nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ ngân hàng của nền kinh tế và phát triển thanh toán không dùng tiền mặt.

❖ Về mục tiêu cụ thể:

Phần đầu đến năm 2020 đạt được các mục tiêu chủ yếu sau:



Nguồn ảnh: Internet

➤ Đối với dịch vụ thu ngân sách: 80% giao dịch nộp thuế tại các thành phố trực thuộc trung ương, thành phố thuộc tỉnh thực hiện qua ngân hàng; 100% Kho bạc Nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Kho bạc Nhà nước quận, thành phố, thị xã thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có thiết bị chấp nhận thẻ ngân hàng phục vụ việc thu ngân sách nhà nước;

➤ Đối với dịch vụ thanh toán tiền điện: 70% công ty điện lực chấp nhận

thanh toán hóa đơn tiền điện qua ngân hàng; tại địa bàn thành phố, quận, thị xã thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phần đầu 70% số tiền điện được thanh toán qua ngân hàng;



Nguồn ảnh: Internet

➤ Đối với dịch vụ thanh toán tiền nước: 70% công ty nước chấp nhận thanh toán hóa đơn tiền nước qua ngân hàng; 50% cá nhân, hộ gia đình ở các thành phố lớn thực hiện thanh toán tiền nước qua ngân hàng;

➤ Đối với dịch vụ thanh toán tiền học phí: 100% trường đại học, cao đẳng chấp nhận thanh toán học phí qua ngân hàng và 80% số sinh viên tại các trường đại học, cao đẳng nộp học phí qua ngân hàng;



Nguồn ảnh: Internet

➤ Đối với dịch vụ thanh toán viện phí: phần đầu 50% bệnh viện tại các

thành phố lớn chấp nhận thanh toán viện phí qua ngân hàng;

➤ Đối với dịch vụ chi trả an sinh xã hội: tại địa bàn thành phố, quận, thị xã thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, phần đầu 20% số tiền chi trả an sinh xã hội được thực hiện qua ngân hàng.

2. Các giải pháp

Để thực hiện được các mục tiêu đề ra nêu trên, Đề án xác định một số giải pháp như sau:

❖ Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý và cơ chế chính sách về thanh toán qua ngân hàng;



Nguồn ảnh: Internet

❖ Triển khai ứng dụng các hình thức, phương thức mới, hiện đại phục vụ thanh toán qua ngân hàng đối với dịch vụ công và chi trả an sinh xã hội;

❖ Nghiên cứu xây dựng biện pháp trao đổi, chia sẻ thông tin phù hợp giữa đơn vị cung ứng dịch vụ công với ngân hàng;

❖ Tăng cường chỉ đạo triển khai thanh toán dịch vụ công và chi trả an sinh xã hội qua ngân hàng;

❖ Tiếp tục đảm bảo an ninh, an toàn trong hoạt động thanh toán, tạo niềm tin cho khách hàng;

❖ Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền;



Nguồn ảnh: Internet

❖ Các giải pháp hỗ trợ khác như việc khuyến khích các ngân hàng, đơn vị cung ứng dịch vụ công triển khai các hình thức ưu đãi cho khách hàng thực hiện thanh toán dịch vụ công; có cơ chế biểu dương, khen thưởng đối với các ngân hàng, đơn vị cung ứng dịch vụ công tích cực triển khai thanh toán dịch vụ công và chi trả an sinh xã hội qua ngân hàng...

3. Kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện Đề án được bố trí từ các nguồn: Ngân sách nhà nước; vay ưu đãi, tài trợ của các tổ chức quốc tế và trong nước; kinh phí của các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, trung gian thanh toán và các nguồn vốn hợp pháp khác. Các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương sử dụng dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm để thực hiện các nội dung của Đề án.

Đề án sẽ được thực hiện kể từ ngày Quyết định 241/2018/QĐ-TTg có hiệu lực thi hành – ngày **23/2/2018**.

QUY ĐỊNH VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC TÀI CHÍNH VI MÔ

Ngày 23/02/2018, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ký ban hành **Thông tư số 03/2018/TT-NHNN** quy định về cấp giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tài chính vi mô (TCTCVM). Thông tư có những quy định cụ thể hướng dẫn về các nội dung như: điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp giấy phép đối với TCTCVM là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và đối với trường hợp chuyển đổi chương trình, dự án tài chính vi mô; tổ chức, quản trị, điều hành, kiểm soát của TCTCVM...



Nguồn ảnh: Internet

Trong đó, một số nội dung nổi bật được quy định tại Thông tư như sau:

1. Thành viên góp vốn

❖ Thành viên góp vốn của TCTCVM là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên bao gồm tổ chức trong nước, cá nhân trong nước, ngân hàng nước ngoài.



Nguồn ảnh: Internet

❖ Tổng số thành viên góp vốn không được vượt quá 05 thành viên trong đó có ít nhất một thành viên là tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.

2. Cơ cấu tổ chức quản lý

❖ TCTCVM phải có cơ cấu tổ chức, bộ máy quản trị, điều hành, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro, hệ thống kiểm soát nội bộ phù hợp với loại hình hoạt động theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

❖ Cơ cấu tổ chức quản lý của TCTCVM bao gồm Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc).

3. Vốn điều lệ và hình thức góp vốn điều lệ

❖ Vốn điều lệ của tổ chức tài chính vi mô là vốn đã được chủ sở hữu thực cấp hoặc vốn đã được các thành viên góp vốn thực góp và được ghi vào Điều lệ.

❖ Việc thay đổi vốn điều lệ thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về những thay đổi phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.



Nguồn ảnh: Internet

❖ Chủ sở hữu, thành viên góp vốn không được dùng vốn ủy thác, vốn huy động, vốn vay dưới bất kỳ hình thức nào để góp vốn vào TCTCVM và phải cam kết, chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của nguồn vốn góp.

❖ Giá trị thực vốn được giao, vốn được cấp của chương trình, dự án tài chính vi mô chuyển đổi là chênh lệch giữa tài sản có và nợ phải trả của chương trình, dự án tài chính vi mô trên báo cáo kiểm toán độc lập trong thời hạn không quá 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và được cơ quan có thẩm quyền, tổ chức sở hữu vốn được giao, vốn được cấp có văn bản giao

cho tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ để tham gia góp vốn thành lập TCTCVM.

4. Tỷ lệ sở hữu vốn góp

❖ Tỷ lệ sở hữu vốn góp của tất cả các thành viên góp vốn là tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội phải đạt tỷ lệ tối thiểu 25% vốn điều lệ của TCTCVM.

❖ Tỷ lệ sở hữu vốn góp của các thành viên góp vốn trong nước không phải là tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội không được vượt quá tỷ lệ sở hữu vốn góp của các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.

❖ Tỷ lệ sở hữu vốn góp của các thành viên góp vốn nước ngoài không được vượt quá tỷ lệ sở hữu vốn góp của các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.



Nguồn ảnh: Internet

❖ Tỷ lệ sở hữu vốn góp của một thành viên góp vốn là cá nhân tối đa không vượt quá 05% vốn điều lệ của TCTCVM.

❖ Tỷ lệ sở hữu vốn góp của một thành viên góp vốn và người có liên quan tối đa không vượt quá 50% vốn điều lệ của TCTCVM.

5. Hoạt động của tổ chức tài chính vi mô

❖ Nội dung hoạt động

➤ TCTCVM được thực hiện các hoạt động theo nội dung ghi trong Giấy phép do Ngân hàng Nhà nước cấp.

➤ TCTCVM được thực hiện các hoạt động huy động vốn sau:



Nguồn ảnh: Internet

- Nhận tiền gửi bằng đồng Việt Nam dưới các hình thức sau đây:

(i) Tiết kiệm bắt buộc;

(ii) Tiền gửi tự nguyện;

- Vay vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, và các cá nhân, tổ chức khác trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.

➤ TCTCVM chỉ được thực hiện cho vay bằng đồng Việt Nam đối với các

khách hàng tài chính vi mô và khách hàng khác để sử dụng vào các hoạt động tạo thu nhập và cải thiện điều kiện sống.

➤ TCTCVM phải duy trì tỷ lệ tổng dư nợ các khoản cho vay đối với khách hàng tài chính vi mô trong tổng dư nợ cho vay tối thiểu 90%.

➤ Tổng dư nợ cho vay của TCTCVM đối với một khách hàng tài chính vi mô không được vượt quá 50 triệu đồng.

Tổng dư nợ cho vay của TCTCVM đối với một khách hàng khác không được vượt quá 100 triệu đồng.

➤ TCTCVM được mở tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước, ngân hàng thương mại và không được mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.



Nguồn ảnh: Internet

➤ TCTCVM được thực hiện một số hoạt động kinh doanh khác sau:

- Ủy thác, nhận ủy thác cho vay vốn;

- Cung ứng các dịch vụ tư vấn tài chính liên quan đến lĩnh vực tài chính vi mô;

- Cung ứng dịch vụ thu hộ, chi hộ và chuyển tiền cho khách hàng tài chính vi mô;
- Làm đại lý cung ứng dịch vụ bảo hiểm.

❖ Thời hạn và địa bàn hoạt động

❖ Thời hạn hoạt động của TCTCVM được ghi trong Giấy phép tối đa không quá 50 năm.



Nguồn ảnh: Internet

TCTCVM thực hiện việc thay đổi thời hạn hoạt động theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

❖ Địa bàn hoạt động của tổ chức tài chính vi mô được quy định trong Giấy phép.

Việc chuyển đổi mạng lưới hoạt động của TCTCVM được cấp Giấy phép trên cơ sở chuyển đổi chương trình, dự án tài chính vi mô thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về mạng lưới hoạt động của tổ chức tài chính vi mô.

TCTCVM thực hiện mở rộng mạng lưới hoạt động ra ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi đặt trụ sở chính

theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về mạng lưới hoạt động của TCTCVM.

Thông tư số 03/2018/TT-NHNN quy định về cấp giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tài chính vi mô có hiệu lực thi hành kể từ ngày **15/4/2018**.

PHÁP LUẬT KINH DOANH BẢO HIỂM

QUY ĐỊNH VỀ BẢO HIỂM CHÁY, NỔ BẮT BUỘC

Đây là nội dung được quy định tại **Nghị định số 23/2018/NĐ-CP** ngày 23/02/2018 do Chính phủ ban hành.

Theo đó, Nghị định này quy định về bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc, cụ thể:

❖ Điều kiện, mức phí bảo hiểm; số tiền bảo hiểm tối thiểu.



Nguồn ảnh: Internet

❖ Mức thu, chế độ quản lý, sử dụng nguồn thu từ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy.

❖ Trách nhiệm của các bộ, cơ quan có liên quan và doanh nghiệp bảo hiểm trong việc thực hiện bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc.

Một số nội dung lớn được quy định trong Nghị định như sau:

1. Nguyên tắc tham gia bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc

❖ Cơ quan, tổ chức và cá nhân có cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ theo quy định của pháp luật phòng cháy và chữa cháy (bên mua bảo hiểm) phải mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc tại các doanh nghiệp bảo hiểm kinh doanh nghiệp vụ bảo hiểm cháy, nổ theo quy định pháp luật.



BẢO HIỂM CHÁY NỔ - VĂN PHÒNG, HÀNG HÓA

BẢO HIỂM CHÁY NỔ BẮT BUỘC

1. Bảo vệ rủi ro thiệt hại tài sản nhà cửa
2. Bảo vệ các rủi ro gây ra cho bên thứ ba
3. Bảo vệ rủi ro cháy nổ văn phòng, hàng hóa

www.epvi.com.vn

BẢO HIỂM CHÁY NỔ BẮT BUỘC VĂN PHÒNG, HÀNG HÓA

Nguồn ảnh: Internet

❖ Bên mua bảo hiểm và doanh nghiệp bảo hiểm triển khai bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc theo điều kiện, mức phí bảo hiểm, số tiền bảo hiểm tối thiểu quy định tại Nghị định này.

❖ Ngoài việc tham gia bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc theo điều kiện, mức phí bảo hiểm, số tiền bảo hiểm tối thiểu quy định tại Nghị định này, bên mua bảo hiểm và doanh nghiệp bảo hiểm có thể

thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm về mở rộng điều kiện bảo hiểm, số tiền bảo hiểm tăng thêm và mức phí bảo hiểm bổ sung tương ứng. Trong trường hợp này, doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm tách riêng phần bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc trong hợp đồng bảo hiểm.



Nguồn ảnh: Internet

❖ Doanh nghiệp bảo hiểm có quyền từ chối bán bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc trong các trường hợp sau:

- Cơ sở chưa được nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy theo quy định pháp luật.
- Cơ sở không có biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy hoặc biên bản kiểm tra đã quá 01 năm tính từ thời điểm lập đến thời điểm mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc.
- Cơ sở đang bị tạm đình chỉ hoặc đình chỉ hoạt động do vi phạm quy định về phòng cháy và chữa cháy.
- ❖ Bên mua bảo hiểm được tính chi phí mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc vào giá thành sản phẩm, dịch vụ (đối với cơ

sở sản xuất kinh doanh) hoặc vào chi thường xuyên (đối với cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị xã hội và các tổ chức khác).



Nguồn ảnh: Internet

❖ Khuyến khích các cơ quan, tổ chức và cá nhân không thuộc đối tượng phải mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc theo quy định tại Nghị định này mua bảo hiểm cháy, nổ trên cơ sở thỏa thuận với doanh nghiệp bảo hiểm và phù hợp với quy định pháp luật.

2. Đối tượng bảo hiểm

Đối tượng bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc là toàn bộ tài sản của cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ, bao gồm:

➤ Nhà, công trình và các tài sản gắn liền với nhà, công trình; máy móc, thiết bị.

➤ Các loại hàng hóa, vật tư (bao gồm cả nguyên vật liệu, bán thành phẩm, thành phẩm).

3. Số tiền bảo hiểm tối thiểu

❖ Số tiền bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc tối thiểu là giá trị tính thành tiền theo giá thị trường của các tài sản nêu trên tại thời điểm giao kết hợp đồng bảo hiểm.

❖ Trường hợp không xác định được giá thị trường của tài sản thì số tiền bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc do các bên thỏa thuận như sau:

➤ Đối với các tài sản là nhà, công trình và các tài sản gắn liền với nhà, công trình; máy móc, thiết bị: Số tiền bảo hiểm là giá trị tính thành tiền của tài sản theo giá trị còn lại hoặc giá trị thay thế của tài sản tại thời điểm giao kết hợp đồng bảo hiểm.



Nguồn ảnh: Internet

➤ Đối với các tài sản là các loại hàng hóa, vật tư (bao gồm cả nguyên vật liệu, bán thành phẩm, thành phẩm): Số tiền bảo hiểm là giá trị tính thành tiền của tài sản căn cứ theo hóa đơn, chứng từ hợp lệ hoặc các tài liệu có liên quan.

4. Phạm vi bảo hiểm và loại trừ trách nhiệm bảo hiểm

Doanh nghiệp bảo hiểm thực hiện trách nhiệm bồi thường bảo hiểm cho các thiệt hại xảy ra đối với đối tượng bảo hiểm phát sinh từ rủi ro cháy, nổ, trừ các trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm.



Nguồn ảnh: Internet

5. Bồi thường bảo hiểm

Doanh nghiệp bảo hiểm thực hiện xem xét, giải quyết bồi thường bảo hiểm theo quy định pháp luật về kinh doanh bảo hiểm và theo nguyên tắc sau:

➤ Số tiền bồi thường bảo hiểm đối với tài sản bị thiệt hại không vượt quá số tiền bảo hiểm của tài sản đó (đã được thỏa thuận và ghi trong hợp đồng bảo hiểm, Giấy chứng nhận bảo hiểm), trừ đi mức khấu trừ bảo hiểm.



Nguồn ảnh: Internet

➤ Giảm trừ tối đa 10% số tiền bồi thường bảo hiểm trong trường hợp cơ sở

có nguy hiểm về cháy, nổ không thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn các kiến nghị tại Biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy, chữa cháy của cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy, dẫn đến tăng thiệt hại khi xảy ra cháy, nổ.

➤ Không có trách nhiệm bồi thường bảo hiểm đối với những khoản tiền phát sinh, tăng thêm do hành vi gian lận bảo hiểm theo quy định tại Bộ luật hình sự.



Nguồn ảnh: Internet

6. Mức thu, nộp từ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc cho hoạt động phòng cháy và chữa cháy

Mức thu từ doanh nghiệp bảo hiểm triển khai bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc trong năm tài chính là 1% tổng số phí bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc thực tế thu được của các hợp đồng bảo hiểm gốc trong năm tài chính trước liền kề.

7. Chế độ quản lý, sử dụng nguồn thu từ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc

Nguồn thu từ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy được sử dụng như sau:

➤ Hỗ trợ trang bị phương tiện, thiết bị phòng cháy, chữa cháy cho lực lượng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy.

Chi cho nội dung này không vượt quá 40% số tiền thực tế thu được từ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc của các doanh nghiệp bảo hiểm trong năm tài chính.

➤ Hỗ trợ tuyên truyền, phổ biến pháp luật, kiến thức phòng cháy; chữa cháy và bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc.



Nguồn ảnh: Internet

Chi cho nội dung này không vượt quá 30% số tiền thực tế thu được từ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc của các doanh nghiệp bảo hiểm trong năm tài chính.

➤ Hỗ trợ lực lượng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy trong các hoạt động sau: Điều tra nguyên nhân vụ cháy; bồi dưỡng nghiệp vụ, kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy; giám sát việc tham gia bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc của các cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ.

Chi cho nội dung này không vượt quá 20% số tiền thực tế thu được từ bảo hiểm

cháy, nổ bắt buộc của các doanh nghiệp bảo hiểm trong năm tài chính.

➤ Hỗ trợ khen thưởng thành tích của tổ chức, cá nhân trực tiếp tham gia, phối hợp trong công tác phòng cháy, chữa cháy.



Nguồn ảnh: Internet

Chi cho nội dung này không vượt quá 10% số tiền thực tế thu được từ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc của các doanh nghiệp bảo hiểm trong năm tài chính.

Số tiền thực tế thu được từ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy cuối năm chưa sử dụng hết cho từng nội dung trên được chuyển sang năm sau để tiếp tục sử dụng.

Nghị định số 23/2018/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày **15/4/2018**. Đối với các hợp đồng bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc đã giao kết trước ngày Nghị định này có hiệu lực được tiếp tục thực hiện theo quy định pháp luật tại thời điểm giao kết hợp đồng bảo hiểm./.